

Bản án số: 227/2024/DS-PT
Ngày: 09-5-/2024
V/v Tranh chấp dân sự
hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán

1. Ông Trần Văn Quán

2. Bà Lê Thị Bích Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp dân sự hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 10/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2024/QĐ-PT ngày 25/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hữu Anh T.** Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số C ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty cổ phần T3.

Địa chỉ: Số F đường H, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Hợp tác xã H1.

Địa chỉ: Số F đường H, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 là **ông Nguyễn Tuấn K.**, sinh năm 1994, địa chỉ số: 64 đường H, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần T3 là **ông Hà Đăng L** - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Anh T.

(Ông Nguyễn Hữu Anh T1 và ông Nguyễn Tuấn K có mặt)

NHẬN THẤY:

* Nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Anh T1 và bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A T1 là trình bày:

Năm 2019, ông là lái xe của Công ty cổ phần T3, trong quá trình thực hiện hợp đồng, T3 đã thu của ông 5% VAT trên doanh thu của lái xe năm 2019 không đúng quy định của pháp luật số tiền là 8.610.000 đồng. Do đó, ông khởi kiện: Yêu cầu Công ty cổ phần T3 tại Long An hoàn trả số tiền mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An đã thu của ông Nguyễn Hữu Anh T 5% VAT trên doanh thu của lái xe năm 2019 không đúng quy định của pháp luật số tiền là 8.610.000 đồng.

Ngày 13/01/2020, ông Nguyễn Hữu Anh T và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An có ký hợp đồng cung ứng, sử dụng sản phẩm dịch vụ vận tải tại hợp đồng số 01-01/2020/HĐ-HBX-LA thời hạn là 05 năm, kể từ ngày 13/01/2020 đến hết ngày 21/11/2025. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, ông T chịu sự điều hành và trực tiếp thu tiền của Công ty cổ phần T3. Theo đó, ông Nguyễn Hữu A T phải trả cho Công ty cổ phần T3 các khoản thu sau:

- Phí quản lý: 9,5% doanh thu;
- Nhân hiệu: 12.000.000 đồng/năm (1.000.000/tháng);
- Phí sử dụng các thiết bị của T3: 250.000 đồng/tháng;
- Điểm tiếp thị: 15.000 đồng/ca;
- Phí hỗ trợ giải quyết tai nạn: 5.000 đồng/ca;
- Các loại thuế gồm thuế VAT: 3%/tháng; thu nhập cá nhân: 1,5%/tháng;
- Thuế môn bài: 1.000.000 đồng/năm;
- Phí giám sát: 99.000 đồng/tháng;
- Rửa xe: 15.000/ca.

Trong quá trình thực hiện công việc, ông Nguyễn Hữu Anh T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty như đã cam kết và luôn chấp hành tốt các quy định của Công ty cổ phần T3, chưa chậm trễ hay để lại bất kỳ một sai sót nào. Tuy nhiên trong thời gian đang thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu Anh T và các lái xe khác có những thắc mắc đối với Công ty về các loại phí, thuế phải đóng, bên phía Công ty chưa có giải thích rõ ràng hay trả lời thỏa đáng thì đến tháng 06/2021 Công ty cổ phần T3 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông Nguyễn Hữu Anh T mà không có lý do chính đáng nên ông Nguyễn Hữu Anh T đã không đồng

ý ký biên bản. Việc chấm dứt hợp đồng của Công ty cổ phần T3 đã làm cho xe không hoạt động được, ảnh hưởng đến đời sống và thiệt hại về kinh tế của ông Nguyễn Hữu Anh T.

Nay ông Nguyễn Hữu Anh T yêu cầu giải quyết những vấn đề như sau:

- Yêu cầu Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại vì đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông Nguyễn Hữu Anh T, khoản tiền mất thu nhập trong 06 tháng từ tháng 07/2021 mỗi tháng 10.000.000 đồng là 60.000.000 đồng, khôi phục lại hợp đồng đã ký. Đồng thời phải trả các chi phí sửa xe sau khi xe ông Nguyễn Hữu Anh T bị thanh lý hợp đồng phải sửa lại theo nguyên hiện trạng ban đầu của xe là 34.672.320 đồng (theo bảng báo giá dịch vụ của đại lý honda ô tô L3).

- Yêu cầu Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 hoàn trả số tiền thuế chênh lệch là 4,5% (gồm thuế VAT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%) của ông Nguyễn Hữu Anh T nhờ Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An thu hộ, chi hộ nộp cơ quan thuế khu vực thành phố T - T là 1.234.585 đồng.

Lý do: Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 thì ông Nguyễn Hữu Anh T1 thuộc đối tượng được miễn lệ phí môn bài. Tuy nhiên Công ty cổ phần T3 đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của ông Nguyễn Hữu Anh T mà thu thuế này hàng năm để lấy tiền. Chi Cục thuế khu vực T - T đã có công văn số 245/CCT-TTTBTK ngày 15/6/2021 trả lời về vấn đề này nhưng phía Công ty vẫn không chịu trả và kéo dài thời gian. Khi ông Nguyễn Hữu Anh T có ý kiến yêu cầu Công ty giải đáp thắc mắc và trả lời một cách thỏa đáng thì phía Công ty lại tiến hành thanh lý hợp đồng gây khó khăn đến công việc và thu nhập kinh tế của gia đình, nên ông Nguyễn Hữu Anh T phải yêu cầu Tòa án giải quyết để đảm bảo công bằng và quyền lợi cho ông Nguyễn Hữu Anh T.

* Bị đơn, ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 trình bày: Ngày 13/01/2020 giữa ông Nguyễn Hữu Anh T và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An có ký kết hợp đồng cung ứng, sử dụng sản phẩm dịch vụ vận tải số 01-01/2020/HĐ-HBX-LA với thời hạn 05 năm kể từ ngày 13/01/2020.

Ngày 02/6/2021 ông Nguyễn Hữu Anh T đã đề xuất thanh lý, chấm dứt trước hạn đối với hợp đồng số 01-01/2020/HĐ-HBX-LA ngày 13/01/2020 nêu trên. Các bên đã thống nhất về nội dung chấm dứt trước hạn. Hợp tác xã H1 đã tiến hành đối chiếu công nợ giữa các bên (có ký xác nhận của ông Nguyễn Hữu Anh T1), thực hiện hoàn trả các khoản tiền ký quỹ và các khoản tiền khác liên quan đến hợp đồng trên.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông T1, Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 có ý kiến:

- Đối với yêu Công ty cổ phần T3 cầu hoàn trả 5% VAT trên doanh thu mà Công ty đã thu năm 2019 với số tiền 8.610.000 đồng. Vấn đề đã được giải quyết tại cuộc họp giữa đại diện Công ty cổ phần T3 và các nhà đầu tư trong đó có ông T1, theo đó các bên đã thống nhất với phương án sẽ thực hiện quy đổi phân chia trên 100% doanh thu để tránh gây nhầm lẫn, các bên đã thống nhất với phương án trên.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tự ý thanh lý hợp đồng bao gồm chi phí thanh lý hợp đồng 60.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng. Công ty không đồng ý, vì việc thực hiện thanh lý hợp đồng thực hiện theo yêu cầu thanh lý của ông T1 tại đề xuất thanh lý ký ngày 02/6/2021. Theo đó các bên đã xác nhận về các khoản công nợ phải thực hiện, đồng thời Công ty đã hoàn trả các khoản ký quỹ và các khoản tiền khác liên quan đến hợp đồng trên. Như vậy, việc thanh lý hợp đồng có sự thống nhất giữa các bên, Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ còn lại, không có sự đơn phương hay tự ý thanh lý hợp đồng. Do đó yêu cầu bồi thường chi phí thanh lý hợp đồng 60.000.000đ là không có cơ sở.

- Bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng, Công ty không gây thiệt hại đối với xe của ông T1, việc lắp đặt các thiết bị khi hợp tác kinh doanh taxi ông T1 đã biết và phải biết khi đồng ý thực hiện hợp tác.

- Đối với yêu cầu hoàn trả khoản tiền thu hộ thuế môn bài thừa là 1.234.585 đồng. Vấn đề này đã được giải quyết tại cuộc họp giữa đại diện Công ty cổ phần T3 và các nhà đầu tư trong đó có ông T1, các bên thống nhất phương án, Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền đã thu dư của nhà đầu tư. Do đó, đối với khoản thu hộ thừa nêu trên, Công ty đồng ý hoàn trả lại.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Đối với yêu cầu hoàn trả khoản tiền thu hộ thuế môn bài thừa là 1.234.585 đồng. Vấn đề đã được giải quyết tại cuộc họp giữa đại diện Công ty cổ phần T3 và các nhà đầu tư trong đó có ông T1 là nguyên đơn tham dự ký tên. Theo bị đơn thì đây là khoản Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An đã kê khai không đúng, sau khi làm việc với cơ quan thuế và được cơ quan thuế xác nhận hoàn trả thì Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 sẽ hoàn trả lại cho nguyên đơn. Khoản tiền này là Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An kê khai hộ cho nguyên đơn chứ Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An không thu khoản tiền này. Hợp tác xã H1 đã đồng ý ngay khi phát hiện ra việc kê khai này chưa phù hợp theo số liệu của ông T1 đã cung cấp theo đơn khởi kiện là 1.234.585 đồng.

Đối với yêu cầu Công ty cổ phần T3 hoàn trả 5% VAT trên doanh thu năm 2019 với số tiền 8.610.000 đồng: Công ty không có thu 5% thuế VAT trên doanh thu của ông T1 như ông T1 trình bày. Năm 2019, ông Nguyễn Hữu A T1 là người lái xe cho Công ty cổ phần T3 và được hưởng tiền lương từ Công ty chi trả theo từng tháng. Theo chính sách của Công ty cổ phần T3 lúc đó quy định tiền lương khoán theo doanh thu của người lái xe được tính theo công thức như sau: L1 khoán/ ngày công vận doanh = Doanh thu tính lương x tỉ lệ % theo doanh thu để tính lương lái xe – Chi phí hao tổn nhiên liệu của ca kinh doanh – Các khoản thu

hộ (nếu có) + Phụ cấp (nếu có) – Các khoản vi phạm (nếu có) + 5% Doanh thu (nếu có) (vào các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và ngày thành lập Công ty A1 hàng năm). Trong đó: Mức doanh thu để làm cơ sở tính tiền lương là 95% doanh thu theo đồng hồ tính tiền đã bao gồm 10% thuế VAT. Tỷ lệ % theo doanh thu để tính lương lái xe ca kinh doanh và phân loại theo số ghế của taxi hoặc dòng xe. Việc tính lương theo chính sách của Công ty C vào tình hình kinh doanh tại từng thời điểm, Công ty có quyền quyết định mức tính doanh thu phù hợp để đảm bảo chế độ chính sách cho người lái xe và doanh thu của từng loại xe, chi phí của công ty.

Việc phân chia doanh thu 100% hay 95% chỉ là công thức tính và không liên quan đến chính sách thuế VAT của Nhà nước không ảnh hưởng đến thu nhập của người lái xe và Công ty không thu thuế VAT của người lái xe nên không thể hoàn trả cho người lái xe. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế theo các loại hình kinh doanh là Công ty thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước việc kê khai này. Ngoài ra, khi giao kết hợp đồng, ông T1 phải biết và có nghĩa vụ phải biết việc Hợp tác xã áp dụng cách tính như thế nào. Vì giữa các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là hợp đồng cung ứng, sử dụng sản phẩm dịch vụ vận tải để phân chia lợi nhuận với nhau và việc xác định tỷ lệ phân chia là nội dung cơ bản mà các bên phải biết, ông T1 không phản đối khi giao kết hợp đồng cũng như đã thực hiện hợp đồng một khoảng thời gian mà không có ý kiến phản đối.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại vì tự ý thanh lý hợp đồng bao gồm chi phí thanh lý hợp đồng 10.000.000 đồng/tháng trong 06 tháng là 60.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng: Việc Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 thanh lý hợp đồng với ông T1 xuất phát đề nghị tự nguyện của ông T1, phía bị đơn đã đồng ý chấp thuận đề nghị của ông T1 đề ngày 02/6/2021. Theo nội dung văn bản này, nguyên đơn đã xác nhận về các khoản công nợ phải thực hiện giữa hai bên để kết thúc hiệu lực của hợp đồng. Hợp tác xã H1 cũng đã hoàn trả các khoản tiền này theo đề nghị của ông T1. Theo hợp đồng, các bên không có thỏa thuận nào khác về việc bồi thường chi phí khi chấm dứt hợp đồng. Căn cứ khoản 10.5 phụ lục hợp đồng cung ứng, sử dụng sản phẩm dịch vụ vận tải thì Hợp tác xã H1 không được phép hủy ngang hợp đồng, hủy ngang được xem là vi phạm hợp đồng. Đồng thời các bên có thỏa thuận về việc xử lý khi vi phạm hợp đồng, cụ thể theo khoản 10.8 của phụ lục hợp đồng thì Hợp tác xã H1 chấm dứt hợp đồng do lỗi của Hợp tác xã H1 thì Hợp tác xã H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại phí nhân hiệu đã thu (tuy nhiên thời điểm đó chưa thực hiện thu), các khoản tiền ký cược, các chi phí thuê thiết bị, các khoản chi phí này đã được các bên xác nhận theo đề xuất thanh lý hợp đồng (ông T1 có ký) và đã thanh toán lại cho ông T1. Ông T1 yêu cầu phải bồi thường chi phí tương ứng với thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng đối với những tháng không hợp tác là không có cơ sở. Đây không phải là thiệt hại phát sinh mà bị đơn gây ra, bị đơn không đồng ý với yêu cầu này của ông T1.

Bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng, Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 không gây thiệt hại đối với xe của ông T1, việc lắp đặt các thiết bị khi

hợp tác kinh doanh taxi ông T1 đã biết và phải biết khi đồng ký khi thực hiện hợp tác. Việc lắp đặt các thiết bị cũng không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến khả năng vận hành, hoạt động của phương tiện, do đó việc sửa chữa thay thế là không cần thiết. Bên cạnh đó, ông T1 chưa thực hiện sửa chữa, chưa phát sinh chi phí sửa chữa, không có hoá đơn thanh toán chỉ có bảng báo phí sửa chữa. Như vậy, bị đơn không gây thiệt hại cho phương tiện của ông T1 cũng như không có phát sinh chi phí sửa chữa, do đó Công ty không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại trên của ông T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã xử:

Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 520 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Anh T với Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1. Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu A T số tiền thuế chênh lệch 4,5% (gồm thuế VAT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%) của ông Nguyễn Hữu Anh T mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An thu hộ, chi hộ nộp cơ quan thuế khu vực thành phố T - T là 1.234.585 đồng (một triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Anh T về việc yêu cầu Công ty cổ phần T3 hoàn trả số tiền mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An đã thu của ông Nguyễn Hữu Anh T 5% VAT trên doanh thu của lái xe năm 2019 với số tiền 8.610.000 đồng (tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Anh T về việc yêu cầu Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải bồi thường thiệt hại vì đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông Nguyễn Hữu Anh T, khoản tiền mất thu nhập 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và các chi phí sửa

xe sau khi xe ông Nguyễn Hữu Anh T bị thanh lý hợp đồng phải sửa lại theo hiện trạng ban đầu của xe là 34.672.320 đồng (ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

4. Về án phí:

- Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hữu Anh T phải có nghĩa vụ chịu 5.164.116 đồng (năm triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận. Do vậy chuyển tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Anh T đã nộp là 2.496.114 đồng (hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông Nguyễn Hữu A T còn phải nộp tiếp 2.668.002 đồng (hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm lẻ hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/10/2023, ông Nguyễn Hữu Anh T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, cũng không rút đơn kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tố tụng. Kháng cáo trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 trả lại cho ông Nguyễn Hữu A T số tiền thuế chênh lệch là 4,5%, bị đơn đồng ý trả lại số tiền này, Bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là có cơ sở.

Đối với yêu cầu trả lại số tiền 8.610.000 đồng: Ông T cho rằng Công ty cổ phần T3 thu số tiền thuế VAT 5% không đúng quy định, phía bị đơn cho không đồng ý. Ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện việc bị đơn đã thu khoản tiền 5% doanh thu của ông T, do đó Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông T là có cơ sở. Ông T kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ là Công ty cổ phần T3 thu số tiền thuế VAT 5% của ông T, ông T cũng không cung cấp được hợp đồng giữa Công ty cổ phần T3 với ông T quy định quyền và nghĩa vụ các bên như ông T trình bày, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng: Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 cho rằng do ông T đề xuất thanh lý hợp đồng trước hạn nên phía Công ty đã chấm dứt hợp đồng theo đề xuất của ông T. Ông T cho rằng ký đề xuất sau khi Công ty đã thông báo chấm dứt hợp đồng và do bị ép buộc ký, tuy nhiên ông T không chứng minh được việc bị Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 ép buộc ký. Do Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 không vi phạm hợp đồng nên Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập và chi phí sửa xe của ông T không có cơ sở. Ông T kháng cáo nhưng không chứng minh được việc chấm dứt hợp đồng là do bị ép buộc nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Anh T được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Hữu Anh T khởi kiện, yêu cầu: 1. Công ty cổ phần T3 tại Long An hoàn trả số tiền 8.610.000 đồng mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An đã thu của ông Nguyễn Hữu Anh T 5% thuế VAT trên doanh thu của lái xe năm 2019 không đúng quy định của pháp luật; 2. Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng: khoản tiền mất thu nhập trong 06 tháng từ tháng 07/2021 mỗi tháng 10.000.000 đồng là 60.000.000 đồng, khôi phục lại hợp đồng đã ký; trả các chi phí sửa xe sau khi xe ông Nguyễn Hữu Anh T bị thanh lý hợp đồng phải sửa lại theo nguyên hiện trạng ban đầu của xe là 34.672.320 đồng; 3. Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 hoàn trả số tiền thuế chênh lệch là 4,5% (gồm thuế VAT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%) của ông Nguyễn Hữu Anh T nhờ Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An thu hộ, chi hộ nộp cơ quan thuế khu vực thành phố T - T là 1.234.585 đồng.

[3] Bản án sơ thẩm đã tuyên: Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Anh T với Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1. Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu Anh T số tiền thuế chênh lệch 4,5% (gồm thuế VAT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%) là 1.234.585 đồng. Các yêu cầu khởi kiện khác của ông Nguyễn Hữu Anh T không được chấp nhận.

[4] Xét thấy, đối với yêu cầu của ông T yêu cầu Công ty cổ phần T3 hoàn trả 5% thuế VAT trên doanh thu của 2019 là 8.610.000 đồng: Ông T cho rằng năm 2019, ông T có ký hợp đồng làm lái xe cho Công ty cổ phần T3, ăn lương theo doanh thu. Do ông là nhân viên của Công ty cổ phần T3 nên ông không phải đóng thuế giá trị gia tăng 5% (việc này cũng được văn bản số 395/CCT-KTr2 ngày 26/7/2021 của Chi cục thuế khu vực T – T – Cục thuế tỉnh L không có thu khoản

này đối với ông T vào năm 2019), nhưng Công ty cổ phần T3 đã thu của ông 5% trên doanh thu, nên ông yêu cầu Công ty cổ phần T3 phải hoàn trả lại ông với số tiền là 8.610.000 đồng. Lời trình bày của ông T không được phía Công ty cổ phần T3 thừa nhận. Công ty cổ phần T3 cho rằng không có nhận 5% thuế VAT của ông T như ông T trình bày. Ông T cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh Công ty cổ phần T3 có thu của ông 5% thuế giá trị gia tăng của năm 2019. Đồng thời ông T cũng không cung cấp được hợp đồng đã ký giữa ông T và Công ty cổ phần T3 để xác định thỏa thuận quyền và nghĩa vụ giữa hai bên trong hợp đồng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 8.610.000 đồng là có cơ sở. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[5] Đối với yêu cầu Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 bồi thường thiệt hại bao gồm chi phí thanh lý hợp đồng 60.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng. Lý do, phía Cty đơn phương chấm dứt hợp đồng, đã gây thiệt hại cho ông.

[5.1] Về số tiền thanh lý hợp đồng: Xét thấy, tại “Đề xuất về việc thanh lý hợp đồng kinh doanh trước hạn” ngày 02/6/2021, người đề xuất là ông Nguyễn Đặng Ngọc P, và người đề nghị là ông Nguyễn Hữu Anh T, ông T có ký tên, theo đó, phía Cty còn phải thanh toán cho ông T số tiền là 18.542.340 đồng. Ông T cũng thừa nhận đây là chữ ký của mình, số tiền này ông T đã nhận được đầy đủ, nhưng ông T cho rằng ông ký là do sự ép buộc của phía Cty và ký đề xuất sau khi Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 đã thông báo chấm dứt hợp đồng với ông. Lời trình bày của ông T không được phía Cty thừa nhận. Ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T2 về yêu cầu này.

[5.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị xe 34.672.320 đồng. Xét thấy, trong hợp đồng không có thỏa thuận khi thanh lý hợp đồng thì phía Cty phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho xe tham gia hợp đồng dịch vụ. Việc thanh lý hợp đồng có sự thống nhất giữa các bên, cũng không có ghi nhận việc bồi thường. Trong trường hợp này, hợp đồng chấm dứt do sự tự nguyện của hai bên không ai vi phạm hợp đồng, không có sự đơn phương hay tự ý thanh lý hợp đồng nên không phát sinh lỗi của các bên theo Điều 10, Điều 11 Phụ lục hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ vận tải (dành cho xe taxi) số 01-01/2020/PL-HBX-LA ngày 13/01/2020. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Anh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 520 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Anh T với Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1. Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu Anh T số tiền thuế chênh lệch 4,5% (gồm thuế VAT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%) của ông Nguyễn Hữu Anh T mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An và Chi nhánh Hợp tác xã H1 tại Long An thu hộ, chi hộ nộp cơ quan thuế khu vực thành phố T - T là 1.234.585 đồng (một triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Anh T về việc yêu cầu Công ty cổ phần T3 hoàn trả số tiền mà Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Long An đã thu của ông Nguyễn Hữu Anh T 5% VAT trên doanh thu của lái xe năm 2019 với số tiền 8.610.000 đồng (tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Anh T về việc yêu cầu Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải bồi thường thiệt hại vì đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông Nguyễn Hữu Anh T, khoản tiền mất thu nhập 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và các chi phí sửa xe sau khi xe ông Nguyễn Hữu Anh T bị thanh lý hợp đồng phải sửa lại theo hiện trạng ban đầu của xe là 34.672.320 đồng (ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

4. Về án phí:

- Công ty cổ phần T3 và Hợp tác xã H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hữu Anh T phải có nghĩa vụ chịu 5.164.116 đồng (năm triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận. Do vậy chuyển tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Anh T đã nộp là 2.496.114 đồng (hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001546 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông Nguyễn Hữu A T còn phải nộp tiếp 2.668.002 đồng (hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm lẻ hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002835 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An. Ông Nguyễn Hữu Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật thi hành./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

(Đã ký)

Lưu Văn Uẩn